

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 863/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-11-2022

*V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trâm.

2. Ông Phùng Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 695/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Ph, sinh năm 1980 (có mặt)

Trú tại: ấp N, xã NB, huyện ChT, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Minh Đ, sinh năm 1980 (có mặt)

Trú tại: ấp N, xã NB, huyện ChT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Ph trình bày:

Chị Mai Thị Ph và anh Đoàn Minh Đ tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ thường xuyên uống rượu, anh chị thường xuyên gây gổ, bất hòa và có bạo lực gia đình. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh chị sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Nay xét thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Mai Thị Ph có đơn yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Minh Đ.

Về con chung: anh chị có 02 con chung tên Đoàn Quốc Th, sinh ngày 24/10/2003 đã thành niên, có khả năng lao động và Đoàn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2010. Khi ly hôn, chị Ph yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Đoàn Thị Mỹ D. Chị Ph yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: anh chị tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 26 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Minh Đ trình bày:

Anh Đoàn Minh Đ thống nhất theo lời trình bày của chị Mai Thị Ph về thời gian chung sống như vợ chồng và việc không đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn của anh chị. Do chị Ph nhiều lần gây gổ, thách thức anh nên anh có đánh chị Ph. Anh chị sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Nay chị Ph có yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị Ph.

Về con chung: anh chị có 02 con chung tên Đoàn Quốc Th, sinh ngày 24/10/2003 đã thành niên, có khả năng lao động và Đoàn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2010. Khi ly hôn, anh Đ đồng ý để chị Ph được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Đoàn Thị Mỹ D. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: anh chị tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, điểm c khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 9, 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị Ph và anh Đoàn Minh Đ. Về con chung: giao con chung tên Đoàn Thị Mỹ D cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung Đoàn Thị Mỹ D mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Mai Thị Ph và anh Đoàn Minh Đ là quan hệ tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, chị Mai Thị Ph và anh Đoàn Minh Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002, mà không đăng ký kết hôn, tuy việc anh chị chung sống với nhau như vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình: “Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công

nhận quan hệ vợ chồng”. Do vậy Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị Ph và anh Đoàn Minh Đ.

[3] Về con chung: anh chị có 02 con chung tên Đoàn Quốc Th, sinh ngày 24/10/2003 đã thành niên, có khả năng lao động và Đoàn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2010. Khi ly hôn, chị Ph yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Đoàn Thị Mỹ D, anh Đ đồng ý để chị Ph được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Đoàn Thị Mỹ D. Đoàn Thị Mỹ D có nguyện vọng được sống với chị Ph. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận này giữa chị Ph và anh Đ.

[4] Về tài sản chung: chị Mai Thị Ph và anh Đoàn Minh Đ tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị Mai Thị Ph và anh Đoàn Minh Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[7] Về án phí: Chị Mai Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Anh Đoàn Minh Đ phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 11, Điều 50, 56, 87, 92, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Căn cứ Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình

- Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Ph.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị Ph và anh Đoàn Minh Đ.

Về con chung: Chị Mai Thị Ph và anh Đoàn Minh Đ có 02 con chung tên Đoàn Quốc Th, sinh ngày 24/10/2003 đã thành niên, có khả năng lao động và Đoàn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2010. Giao con chung Đoàn Thị Mỹ D cho chị Mai Thị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đoàn Minh Đ cấp dưỡng nuôi con chung Mỹ D mỗi tháng 1.500.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực cho đến khi Đoàn Thị Mỹ D thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Đoàn Minh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Chị Mai Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ph đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020929 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên chị Mai Thị Ph đã nộp xong án phí.

Anh Đoàn Minh Đ phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Châu Thành, Tiền Giang;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Kim Hằng